

Movie genres



an action film



a horror film



a science-fiction film



an animated film



a comedy



a drama



a documentary



a musical

Task 1

Đề:

Match the movie genres with the Vietnamese meaning. (Nối các thể loại phim với nghĩa tiếng Việt.)

- | | |
|-----------------------------|-------------------|
| 1. phim chính kịch | 2. phim hài |
| 3. phim hành động | 4. phim hoạt hình |
| 5. phim khoa học viễn tưởng | 6. phim kinh dị |
| 7. phim nhạc kịch | 8. phim tài liệu |

Task 2

Đề: Answer the following questions. (Trả lời các câu hỏi sau.)

What is your favorite movie genre? Why?

Task 3

Đề: (Dùng audio). Link audio:

<https://drive.google.com/file/d/10AdKL9ph6XR8NKNTVbSC3KIE1rRriSXL/view?usp=sharing>

Listen and write the genre for each movie. Write Yes/No to note if the people decided to see it. (Nghe và viết thể loại cho từng phim. Viết Yes/No nếu người trong đoạn hội thoại có/không đi xem bộ phim đó.)

Movie	Genre	Decided to watch?
1 The bottom of the Sea		

2 Tango in Tap Shoes		
3 The Ant Who Wouldn't Die		
4 Chickens Never Wear Shoes		
5 Goldilocks Grows Up		
6 The Equalizer		
7 Twelve Angry Women		
8 City Under the Sea		

Task 4

Đề:

Which movies sound good to you?

Vài cách diễn tả mong muốn.

Link video cho would like: <https://www.youtube.com/watch?v=hUDLw5nLLIU>

1. Would like

a. Công dụng: diễn tả mong muốn một cách lịch sự.

b. Công thức:

(+): would like + V0

Viết tắt: 'd like + V0

c. Ví dụ:

I'd like to go to the movies.

Would you like to go there? - Yes, I would.

2. Would rather

a. Công dụng: diễn tả lựa chọn giữa nhiều phương án

b. Công thức:

(+): would rather + V0

(-): would rather + not + V0

c. Ví dụ:

What would you rather do: go to a movie or a play?

Would they rather stay home? - No, they wouldn't. / No, they'd rather not.

Task 1:

Chia dạng đúng của từ trong ngoặc

1. Camila would like (cook) _____ for her family.
2. He would rather (face) _____ the enemy than surrender.
3. I would rather (stay) _____ home tonight.
4. I'd rather (be) _____ a vampire than a zombie.
5. Mr. Timmy would like (stay) _____ home.
6. They would rather (build) _____ a new house than repair the old one.
7. We would rather (drink) _____ tea than coffee.

Task 2:

Dịch các câu sau sang tiếng Anh.

1. Tôi muốn mua một cái mũ mới.

→ _____.

2. Tôi có cam và táo. - Tôi thích ăn táo hơn.

→ _____.

3. Bạn muốn gọi đồ uống không?

→ _____.

4. Tôi thích đi bộ hơn đi xe đạp.

→ _____.